

Land&Life

VOL.39 | QUẢNG TRỊ | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**



QUẢNG TRỊ (2021 - 2025)

Bản đồ hành chính huyện/thành phố
Chỉ tiêu phát triển chính giai đoạn 2021 - 2025

39

MAY - 2022

Lưu hành nội bộ

Quý độc giả thân mến,

Tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về 63 tỉnh thành của Việt Nam, Land&Life Vol.39 chúng tôi xin được giới thiệu đến Quý độc giả về tỉnh Quảng Trị - một tỉnh ven biển thuộc vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Quảng Trị có vị trí đầu mối giao thông quan trọng, nằm ngay giao điểm của các tuyến giao thông huyết mạch quốc gia, đồng thời nằm trên Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC) về phía Đông của Việt Nam, nối với Lào - Thái Lan - Myanmar qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tạo nên vị trí chiến lược của tỉnh, tiền đề để trở thành trung tâm giao lưu, hợp tác phát triển với các địa phương trong nước và với các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS);

Nhiệm kỳ mới, Quảng Trị xác định công nghiệp năng lượng là lĩnh vực đột phá, một trong ba trụ cột chính (cùng nông nghiệp và dịch vụ - du lịch) để phát triển kinh tế, phấn đấu đạt mục tiêu trở thành địa phương có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước vào năm 2025 và đến năm 2030 thuộc nhóm khá của cả nước.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.39 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Hoàng Tuấn
Hoàng Tuấn

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065



10. Thành Phố Đông Hà



24. Huyện Hương Hoá



14. Thị Xã Quảng Trị



34. Huyện Đrakông



18. Huyện Vĩnh Linh



38. Huyện Cam Lộ



30. Huyện Gio Linh



46. Huyện Hải Lăng



42. Huyện Triệu Phong



50. Huyện Cồn Cỏ

QUẢNG TRỊ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Quảng Trị là một tỉnh ven biển thuộc vùng Bắc Trung Bộ, miền Trung Việt Nam, có tọa độ đại lý: 16°18 đến 17°10 vĩ độ Bắc và 106°32 đến 107°34 kinh độ Đông.

Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Bình.

Phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.

Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Phía Đông giáp biển Đông



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 4.737,44 km²

Dân số trung bình: 633.440 người.

Mật độ: 134 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Toàn tỉnh có 08 ĐVHC, gồm: Thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và 08 huyện (Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong, Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cồn Cỏ, Đakrông) và 125 ĐVHC cấp xã (101 xã, 13 phường và 11 thị trấn).



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền năng động, sáng tạo, hiệu quả và liêm chính, phục vụ Nhân dân. Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh; tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế.



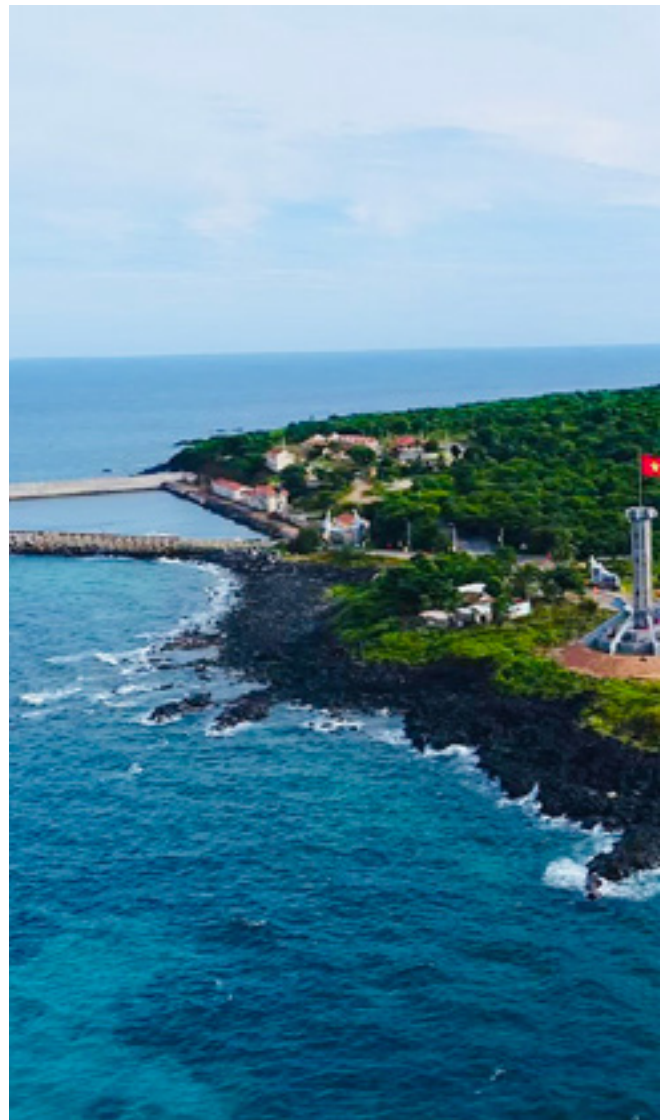


Chuyển hóa những bất lợi, khó khăn thành tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng và phát triển mạnh các mô hình kinh tế có hiệu quả cao, các sản phẩm mang thương hiệu đặc sắc của tỉnh. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước; năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước.



KINH TẾ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân giai đoạn 2020 - 2025 đạt 7,5 - 8% và giai đoạn 2025 - 2030 đạt trên 8%;
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 - 90 triệu đồng và đến năm 2030 đạt trên 150 triệu đồng;
- Đến năm 2025 cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): nông nghiệp 15%, phi nông nghiệp là 85%; đến năm 2030 cơ cấu phi nông nghiệp 85- 90%;
- Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP giai đoạn 2020 - 2025 là 50%; giai đoạn 2025 - 2030 chiếm dưới 45%;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 đạt 21.500-22.500 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10 - 12%/năm; giai đoạn 2025 - 2030 đạt 38.300 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm trên 12%/ năm;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 75% và đến năm 2030 là 85%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm giai đoạn 2020- 2025 và giai đoạn 2020 - 2030 từ 1 - 1,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 đạt 75 - 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 33% và đến năm 2030 là 85 - 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 36%;
- Số lao động được tạo việc làm mới bình quân hàng năm giai đoạn 2020-2025 là 12.000 lao động và giai đoạn 2026 - 2030 trên 12.500 lao động;
- Đến năm 2025, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/1 vạn dân; đến năm 2030 đạt tỷ lệ 12 bác sĩ/1 vạn dân, 37 giường bệnh/1 vạn dân. Phấn đấu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế;





- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 98% và đến năm 2030 là 100%;
- Tuổi thọ trung bình đến năm 2025 là 70 tuổi và đến năm 2030 là 71 tuổi;
- Tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2025 là 97% và đến năm 2030 là 99%;
- Tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 97,5% và đến năm 2030 là 98%;
- Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2025 ở đô thị đạt 98%; ở nông thôn đạt 60%.

XÂY DỰNG ĐẢNG

- Hằng năm, có trên 85% số đảng bộ, ban thường vụ cấp ủy cấp huyện, tương đương và tổ chức cơ sở đảng xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên;
- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ, thành lập mới trên 30 tổ chức đảng trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước; 100% thôn, bản, khu phố có tổ chức đảng;
- Trong nhiệm kỳ kết nạp trên 7.500 đảng viên (bình quân hằng năm đạt trên 1.500 đảng viên).



THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố Đông Hà nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Đông và phía Nam giáp huyện Triệu Phong

Phía Tây giáp huyện Cam Lộ

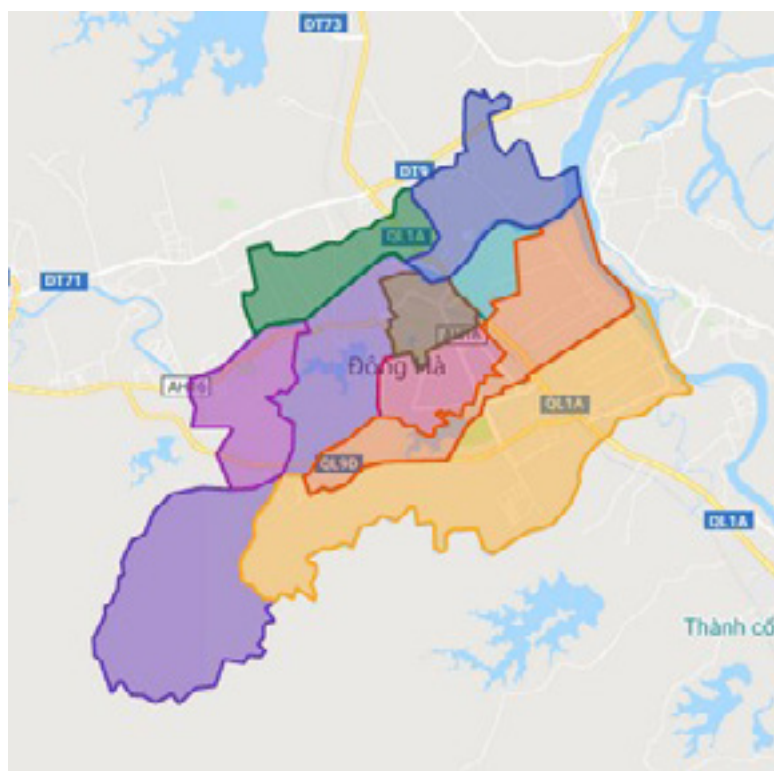
Phía Bắc giáp huyện Gio Linh và huyện Cam Lộ.

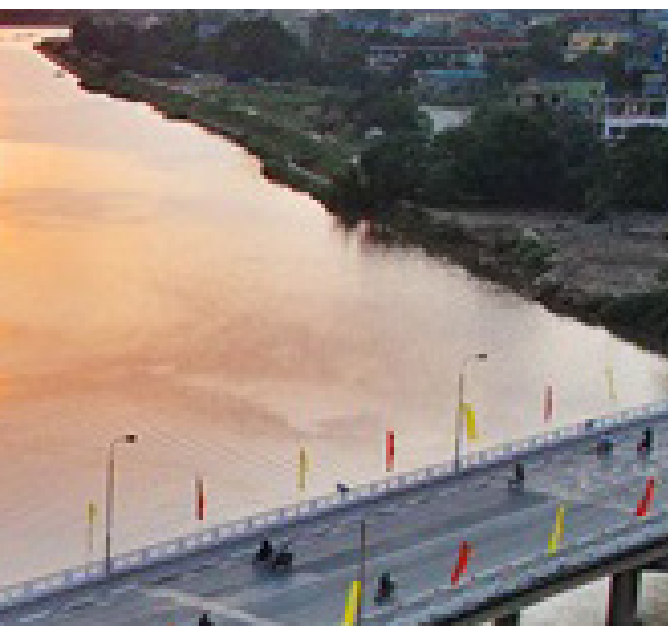
DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 73,09 km²

Dân số trung bình: 96.216 người.

Mật độ: 1.316 người/km²





ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Đông Hà có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 9 phường: 1, 2, 3, 4, 5, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương, Đông Thanh.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

“Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng Hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội; đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng Đông Hà sớm đạt đô thị loại II, từng bước trở thành thành phố thông minh”

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11%/ năm;
- Giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp xuống còn 0,8% trong cơ cấu kinh tế.
- Tổng sản phẩm xã hội bình quân đầu người đến năm 2025 bằng 1,7 lần so với năm 2020.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 15%/năm sau khi loại trừ thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm tăng bình quân 18%/năm.





**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ - TỈNH QUẢNG TRỊ**

TX. QUẢNG TRỊ

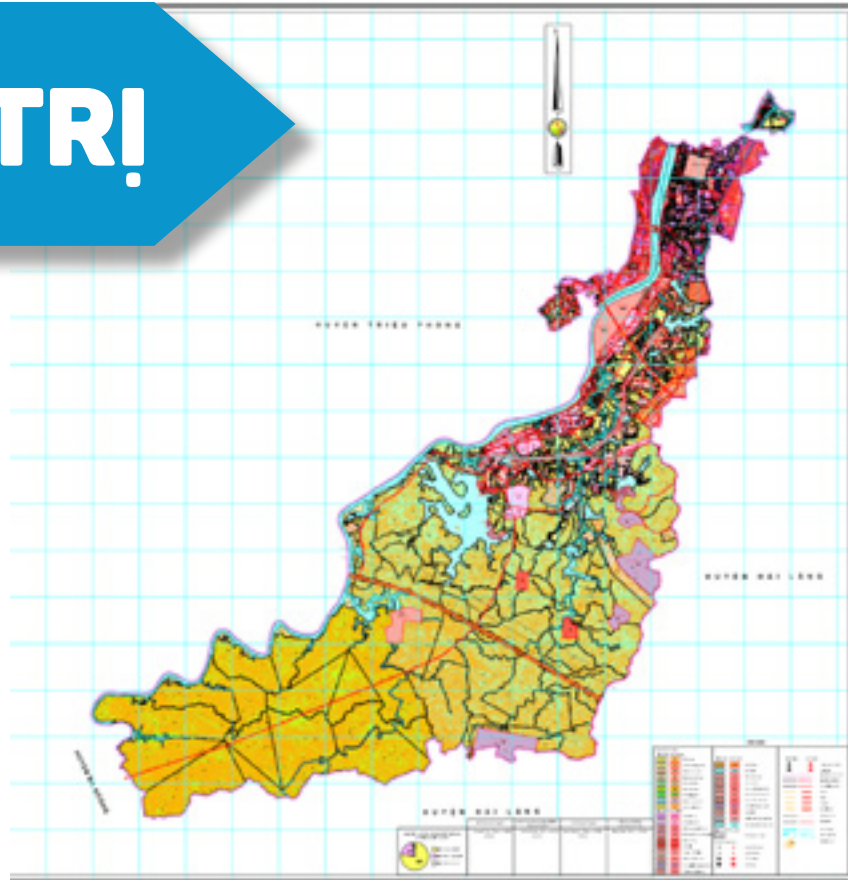
VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Quảng Trị là một thị xã nằm ở phía nam tỉnh Quảng Trị, có địa giới hành chính:

Phía Đông và phía Nam giáp huyện Hải Lăng

Phía Tây giáp huyện Đa Krông

Phía Bắc giáp huyện Triệu Phong.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 73,82 km²

Dân số trung bình: 23.408 người.

Mật độ: 321 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Quảng Trị có 5 đơn hành chính cấp xã, bao gồm 4 phường: 1, 2, 3, An Đôn và xã Hải Lệ.



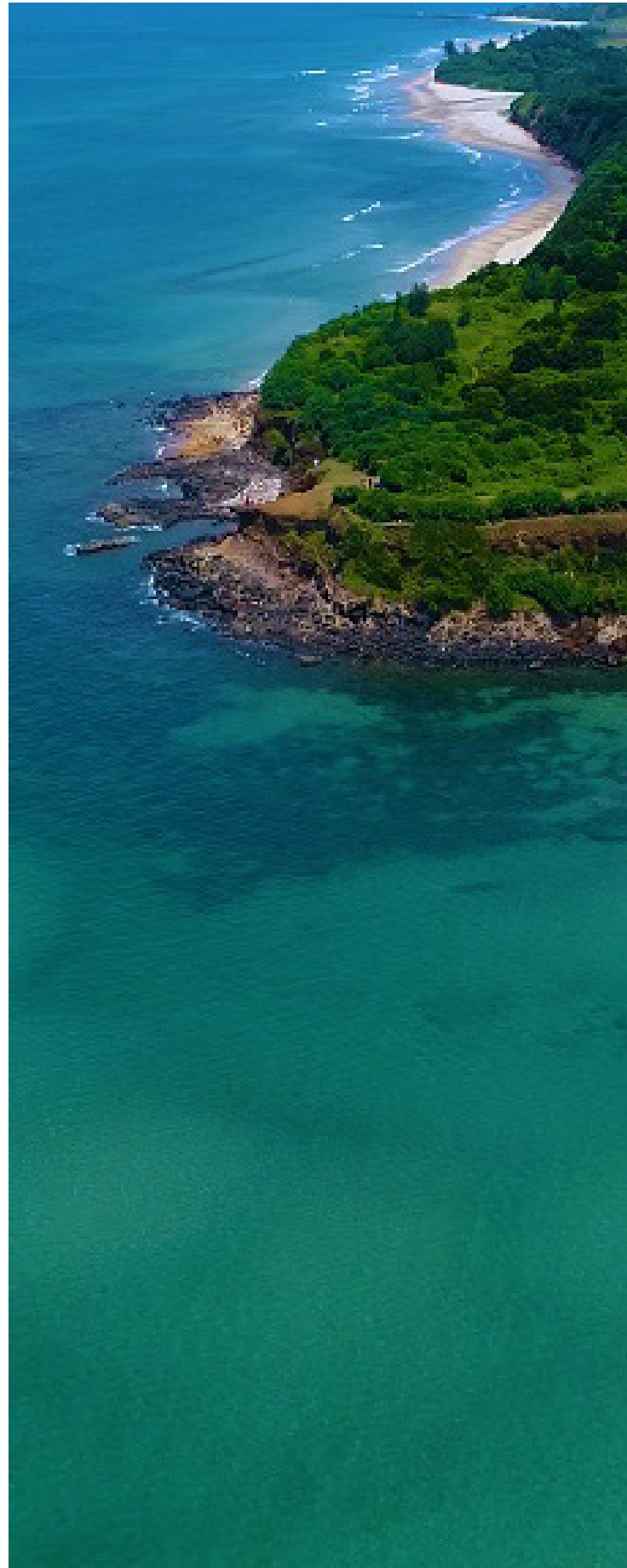


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Huy động mọi nguồn lực, phát huy lợi thế là đô thị có bề dày lịch sử văn hóa, cách mạng để đẩy nhanh phát triển kinh tế, trọng tâm là Thương mại - Dịch vụ - Du lịch; tạo sự đột phá trong phát triển du lịch, hướng đến trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tổ chức thực hiện tốt các quy hoạch. Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ để kinh tế tư nhân phát triển sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục nâng cao chất lượng văn hoá, giáo dục, y tế, đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Tập trung công tác phòng chống dịch, kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19. Đẩy mạnh cải cách hành chính. Bảo đảm ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và giữ vững quốc phòng, an ninh. Phấn đấu xây dựng thị xã đạt các tiêu chí đô thị loại III đến năm 2025, hướng đến đô thị Hòa bình.

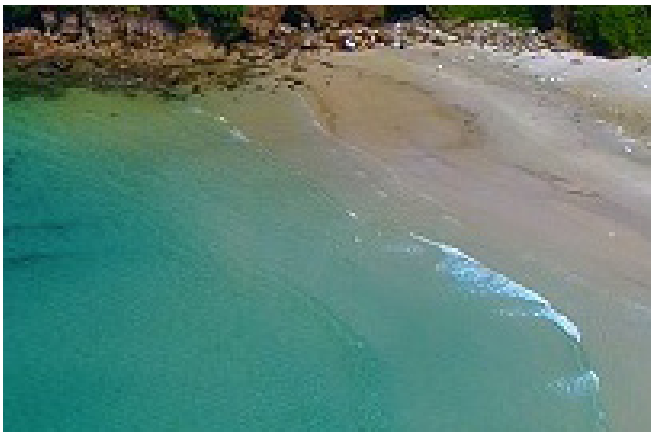
KINH TẾ

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu ngành Dịch vụ, du lịch tăng 17-19%/năm.
- Giá trị sản xuất ngành Công nghiệp - Xây dựng tăng 9 - 10%/năm, trong đó: Công nghiệp tăng 10 - 11%/năm; Giá trị sản xuất Nông - Lâm - Thủy sản tăng 4 - 5%/năm.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 tăng 1,4 - 1,5 lần so với năm 2020 (85 - 90 triệu đồng).
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 550 - 560 tỷ đồng, tăng 8 - 9%/năm, trong đó thu từ thuế, phí, lệ phí từ 300 - 310 tỷ đồng, tăng 10 - 11%/năm.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 3.200 tỷ đồng, trong đó: vốn xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách phân cấp thị xã quản lý khoảng 550 - 600 tỷ đồng.
- Hàng năm, thành lập mới từ 10 - 15 doanh nghiệp, giải quyết việc làm mới cho 350 - 400 lao động, trong đó: Xuất khẩu lao động 10 người. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 80 - 85%.
- Kêu gọi đầu tư 2 - 3 trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn tiêu chuẩn 3 sao trở lên; có 1- 2 cơ sở kinh doanh dịch vụ lữ hành, dịch vụ vui chơi giải trí; có 1- 2 dự án về du lịch.
- Kêu gọi 4 đến 5 dự án có vốn đăng ký trên 20 tỷ đồng/dự án vào đầu tư, hoạt động. Phần đầu đạt tỷ lệ lấp đầy của Cụm Công nghiệp Hải Lệ trên 70%.



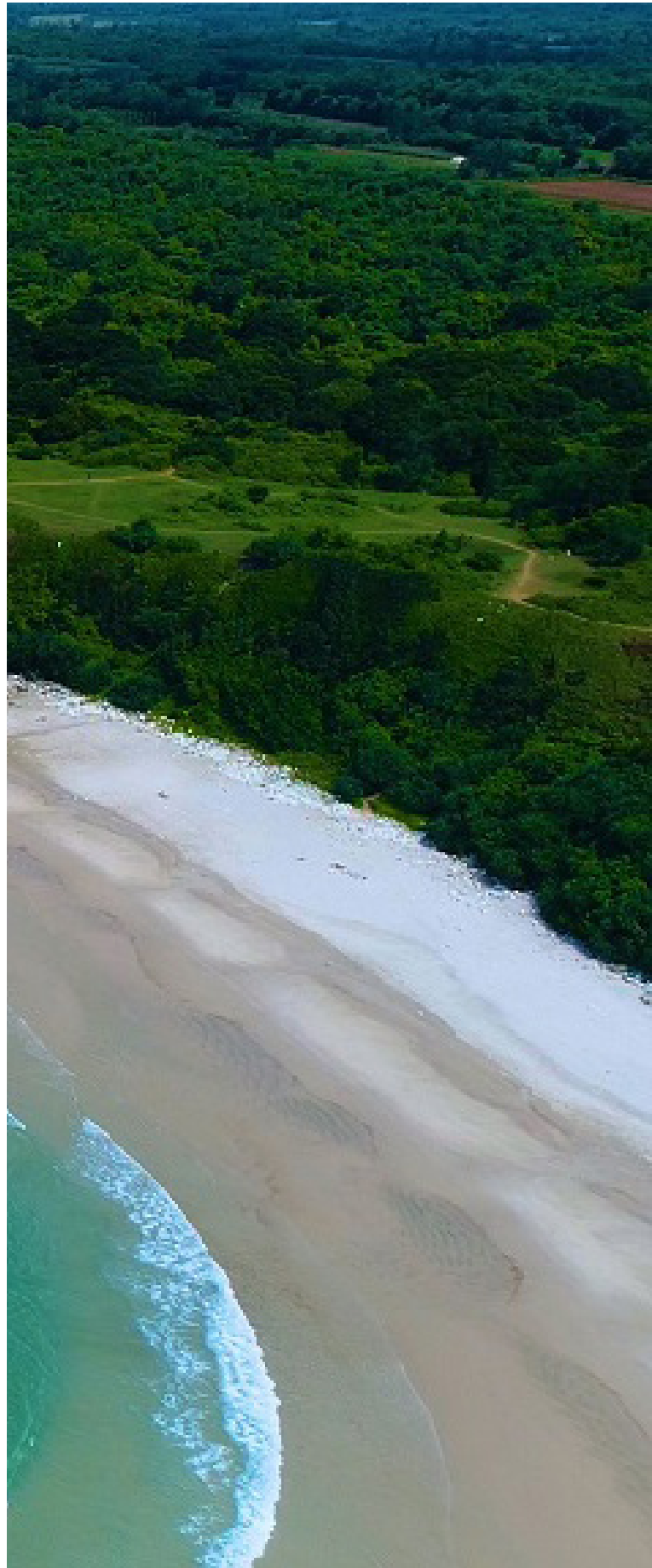
XÃ HỘI

- Hộ nghèo giảm từ 12 - 15 hộ/năm.
- Người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.
- Tỷ lệ huy động vào nhà trẻ đạt 70 - 75%, mẫu giáo trên 98%. Trước năm 2023 thị xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục bậc trung học.
- Đến năm 2025, có ít nhất 2 phường đạt chuẩn văn minh đô thị; xã Hải Lệ đạt chuẩn Nông thôn mới nâng cao,

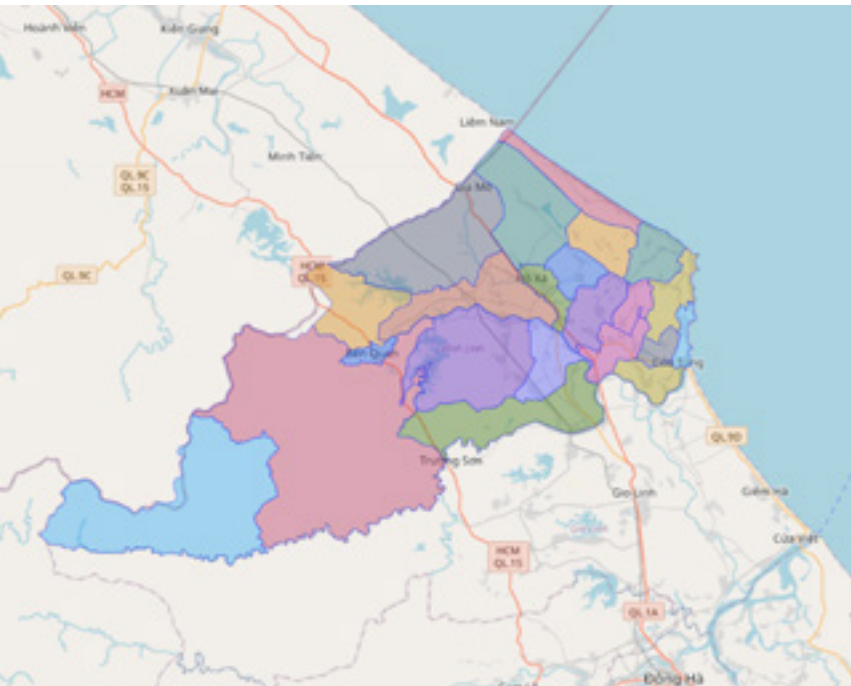


MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ người dân các phường 1, 2, 3 sử dụng nước sạch đạt 100%. Tỷ lệ người dân phường An Đôn, xã Hải Lệ sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.
- Đến năm 2025: Tỷ lệ hộ thu gom rác thải ở các phường, xã đạt 100%; năm 2022: 100% hộ gia đình có hố xí tự hoại.
- Đến năm 2025, có trên 600 hộ dân đầu nối mới vào hệ thống xử lý nước thải.



VĨNH LINH



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Vĩnh Linh có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 3 thị trấn: Hồ Xá, Bến Quan, Cửa Tùng và 15 xã: Hiền Thành, Kim Thạch, Trung Nam, Vĩnh Chắp, Vĩnh Giang, Vĩnh Hà, Vĩnh Hòa, Vĩnh Khê, Vĩnh Lâm, Vĩnh Long, Vĩnh Ô, Vĩnh Sơn, Vĩnh Thái, Vĩnh Thủy, Vĩnh Tú.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

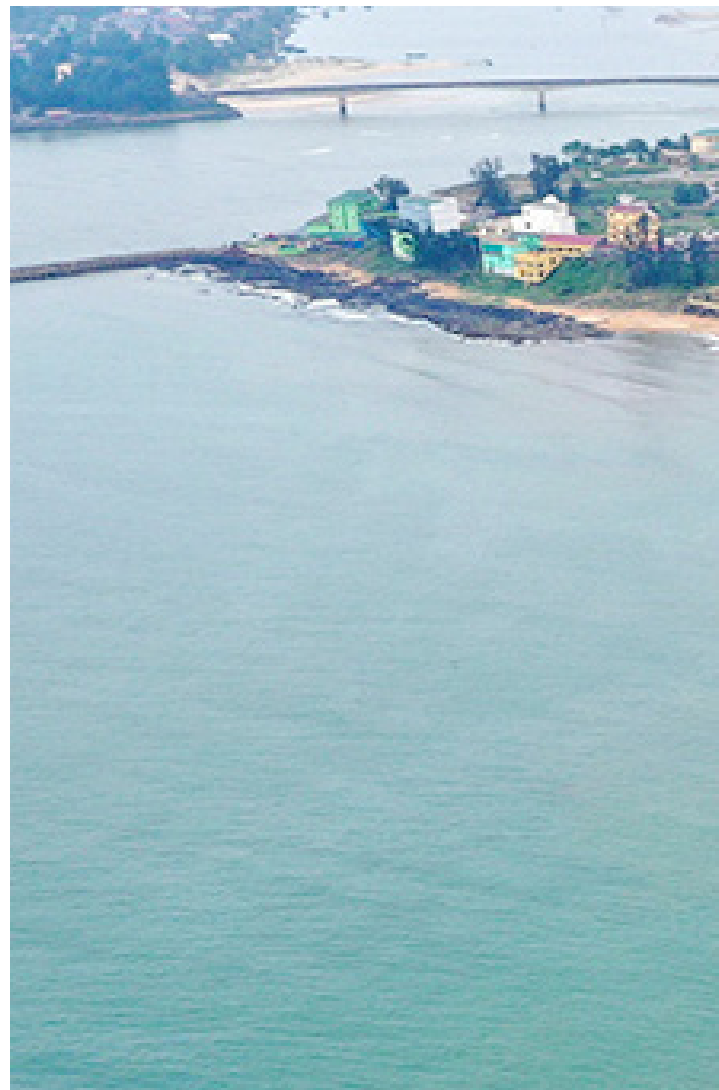
Huyện Vĩnh Linh nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Bắc và phía Tây bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Phía Nam và phía Tây Nam giáp huyện Gio Linh.

Phía Tây giáp huyện Hướng Hóa và Gio Linh.

Phía Đông giáp Biển Đông.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 619,16 km²

Dân số trung bình: 87.526 người.

Mật độ: 141 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tăng cường xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; xây dựng chính quyền năng động, sáng tạo, liêm chính, trách nhiệm, hiệu quả. Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm và lĩnh vực đột phá đề ra trong nhiệm kỳ, phát huy sức sáng tạo, ý chí và khát vọng phát triển của người dân Vĩnh Linh. Đẩy mạnh thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Giữ gìn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của quê hương góp phần vào việc xây dựng nền tảng chính trị, tinh thần vững chắc trong đời sống của người dân huyện nhà. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Vĩnh Linh đạt chuẩn nông thôn mới, đưa Vĩnh Linh sớm trở thành trung tâm KT-XH phía Bắc tỉnh Quảng Trị.



- Tổng giá trị sản xuất (theo giá cố định năm 2010) tăng bình quân 15-16%/năm, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,5-5%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 17-18%, khu vực dịch vụ tăng 18-19%.
- Đến năm 2025 tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 22 - 23%; công nghiệp và xây dựng chiếm 31-32%; khu vực dịch vụ chiếm 45 - 46% trong tổng giá trị sản xuất,
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng bình quân mỗi năm 19-20%.
- Đến năm 2025 thu nhập bình quân đầu người tăng 1,5-1,6 lần so với năm 2020 ((khoảng 76,2 - 81,2 triệu đồng).
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 10-12%/năm.



- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm đạt từ 10.000-11.000 tỷ đồng.
- Đến năm 2025 tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 41.000 - 42.000 tấn;
- Ổn định diện tích cây cao su và Hồ tiêu hiện có”; tổng đàn trâu, bò đạt 16 -18 nghìn con, đàn lợn 45-48 nghìn con, đàn gia cầm 700-750 nghìn con.
- Diện tích nuôi trồng thủy sản từ 930 - 950ha, sản lượng thủy hải sản đạt 5.550-6.000 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 2.100 - 2.400 tấn, sản lượng đánh bắt đạt 3.450 - 3.600 tấn vào năm 2025.
- Hàng năm trồng mới khoảng 1.000 - 2.000ha rừng tập trung, khai thác từ 150.000 - 170.000 m gỗ rừng trồng.
- Đến năm 2025 toàn huyện có khoảng 500 doanh nghiệp, 7.000 hộ kinh doanh cá thể, 80 hợp tác xã, 600 tổ hợp tác kinh doanh có hiệu quả.



- Tạo việc làm mới hàng năm cho 1.800 - 2.000 lao động, trong đó đi xuất khẩu lao động nước ngoài chiếm từ 17 - 20%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75% vào năm 2025, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45%.
- Tốc độ phát triển dân số tự nhiên ở dưới mức 0,8%/năm
- 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 98% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin;
- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo bình quân toàn huyện ở dưới mức 2% theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2021-2025, trong đó xã Vĩnh Ô, Vĩnh Khê giảm bình quân hàng năm trên 7%.
- Hàng năm có từ 95% trở lên thôn, bản, khu phố; 98% trở lên cơ quan, đơn vị được công nhận đạt danh hiệu văn hóa.
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 100% và tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH tự nguyện đạt trên 10% vào năm 2025.
- Giữ vững 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục các bậc học; phấn đấu 80% trường đánh giá kiểm định chất lượng mức độ II trở lên và được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó có 10% đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Giữ ổn định tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025 là 52%.
- Tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý ở khu vực thành thị đạt 100%; ở khu vực nông thôn đạt trên 95% vào năm 2025.
- Đến năm 2025, tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

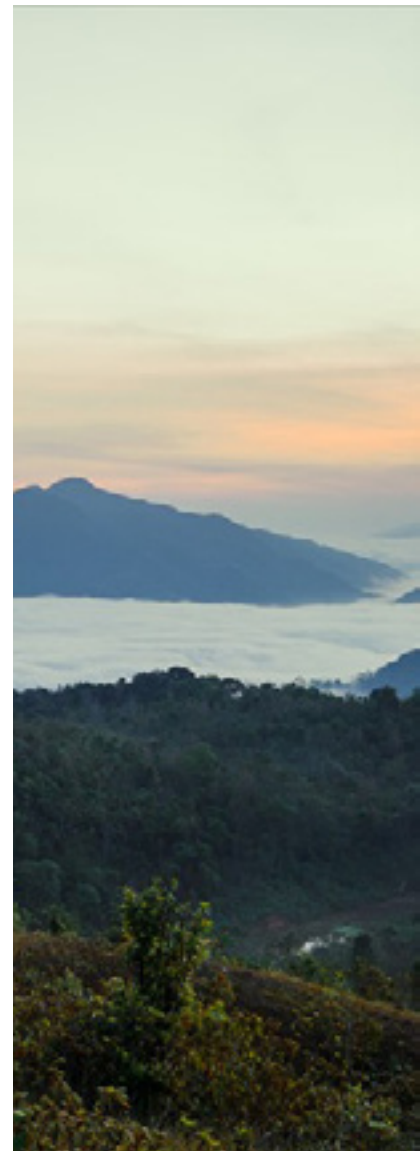


ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hướng Hóa có 21 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Khe Sanh, Lao Bảo và 19 xã: A Dơi, Ba Tầng, Húc, Hướng Lập, Hướng Linh, Hướng Lộc, Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Tân, Hướng Việt, Lìa, Tân Hợp, Tân Lập Tân Liên, Tân Long, Tân Thành, Thanh, Thuận, Xy.

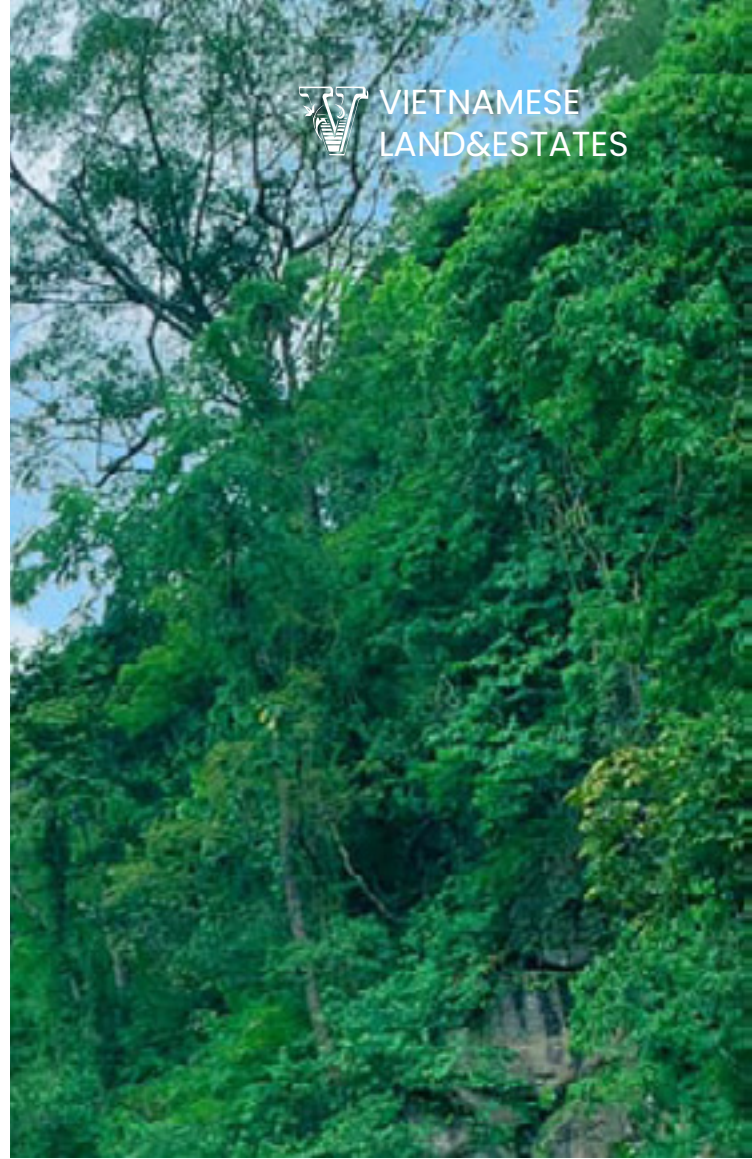
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phát huy bản sắc văn hóa, sức mạnh đoàn kết các dân tộc; không ngừng đổi mới, sáng tạo. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế. Huy động mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đưa huyện Hướng Hóa phát triển nhanh và bền vững.



KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

- Tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế đến năm 2025 đạt 23.855,7 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021 - 2025 tăng 62,28%. Trong đó, ngành nông - lâm nghiệp đạt 2.065,74 tỷ đồng, chiếm 8,66%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 10.235,29 tỷ đồng, chiếm 42,90%; ngành dịch vụ đạt 11.554,71 tỷ đồng, chiếm 48,44%. Đến năm 2030, tổng giá trị sản xuất đạt trên 29.390 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 50,78 triệu đồng và đến năm 2030 đạt trên 76,5 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư xây dựng toàn xã hội bình quân hàng năm đạt 4.054,99 tỷ đồng, tăng 8% năm.
- Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hàng năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt 14% - 16%.
- Đến năm 2025 có thêm 03 - 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới, các xã còn lại đạt từ 15 - 18 tiêu chí; phần đầu 05 - 08 xã đạt nông thôn mới nâng cao; 02 - 03 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.
- Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ở mức bình quân hàng năm là 47%.
- Phần đầu đến năm 2025 có 20 hợp tác xã và 50 tổ hợp tác thành lập mới.
- Trên 90% số hộ gia đình được công nhận danh hiệu gia đình văn hóa; 100% cơ quan, đơn vị và 50% doanh nghiệp được công nhận danh hiệu đơn vị văn hóa, doanh nghiệp văn hóa.



- Phấn đấu đến năm 2025 có 45% số trường học đạt chuẩn quốc gia trở lên, trong đó có 10% trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.
- Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện bình quân giai đoạn 2021 - 2025 giảm từ 2,5 - 3,0%/năm (các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn giảm trên 5,0%/năm) theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Giai đoạn từ năm 2025 - 2030 bình quân hộ nghèo giảm từ 2,0 - 2,5%/năm.
- Đến năm 2025 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 55%; qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ 42%; đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%, trong đó số lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 55%; bình quân giai đoạn 2021 - 2025 giải quyết việc làm từ 1.300 - 1.400 lao động và giai đoạn 2026 - 2030 giải quyết việc làm từ 1.400 - 1.600 lao động.
- Duy trì 100% xã đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế; đến năm 2025 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% và đến năm 2030 trên 98% dân số.
- Đến năm 2025 có trên 95% người dân ở thành thị và trên 75% người dân ở nông thôn sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh; đến năm 2030 có 100% người dân ở thành thị và trên 90% người dân ở nông thôn sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.
- Đến năm 2025 tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt ở đô thị đạt trên 90% và nông thôn đạt trên 40%; đến năm 2030 tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt ở đô thị đạt trên 95% và nông thôn đạt trên 60%.
- - Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh:
- Công tác tuyển quân hàng năm đạt 100% chỉ tiêu đề ra; 100% cán bộ chủ chốt được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo phân cấp; tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 2,0 - 2,2% so với dân số; đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ đạt 25 - 27%; 100% xã, thị trấn có lực lượng cơ động; 60% xã, thị trấn xây dựng, bố trí được nhà trực, phòng trực cho lực lượng dân quân.
- 100% đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy cư trú trên địa bàn có hồ sơ quản lý; hàng năm giảm ít nhất 10% so với tổng số người nghiện;

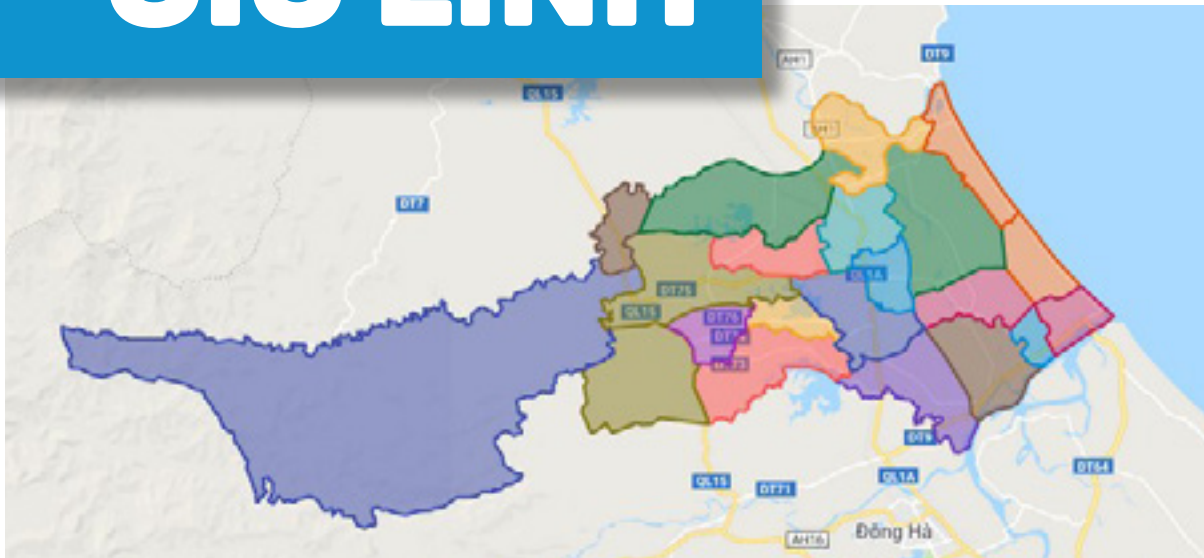
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- 100% các tổ chức cơ sở đảng tổ chức quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng.
- 100% đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức hàng năm có bản đăng ký làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao.
- Duy trì 100% thôn, khu dân cư có tổ chức Đảng. Hàng năm kết nạp từ 100 - 150 đảng viên. Hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có từ 15 đến 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 12-13% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- 100% công chức cấp huyện, cấp xã có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, kỹ năng công tác; 90% cán bộ chuyên trách cấp xã, thị trấn có trình độ đại học trở lên.
- Phấn đấu tỷ lệ cán bộ nữ là cấp uỷ viên cấp huyện và cấp cơ sở đạt từ 20 - 25%; tỷ lệ cán bộ là nữ trong danh sách chính thức người ứng cử đại biểu HĐND cấp huyện và cấp xã có ít nhất 35%.
- Đến năm 2025 có 100% cán bộ các cấp trong huyện đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; 100% cán bộ cấp phó trưởng phòng, ban trở lên sử dụng thành thạo tiếng Braille - Vân Kiều vào nhiệm vụ chuyên môn; đến năm 2030 có từ 10 - 15% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phó trưởng các phòng, ban trở lên đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.
- Đến năm 2025 có 50% bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, 100% trưởng thôn là đảng viên.





GIO LINH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Gio Linh nằm ở phía Đông Bắc tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp Biển Đông

Phía Tây giáp huyện Hướng Hóa và huyện Đakrông

Phía Nam giáp các huyện Triệu Phong, Cam Lộ và thành phố Đông Hà

Phía Bắc giáp huyện Vĩnh Linh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 470,68 km²

Dân số trung bình: 75.335 người.

Mật độ: 160 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Cam Lộ có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Cam Lộ và 7 xã: Cam Chính, Cam Hiếu, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Thủy, Cam Tuyển, Thanh An.



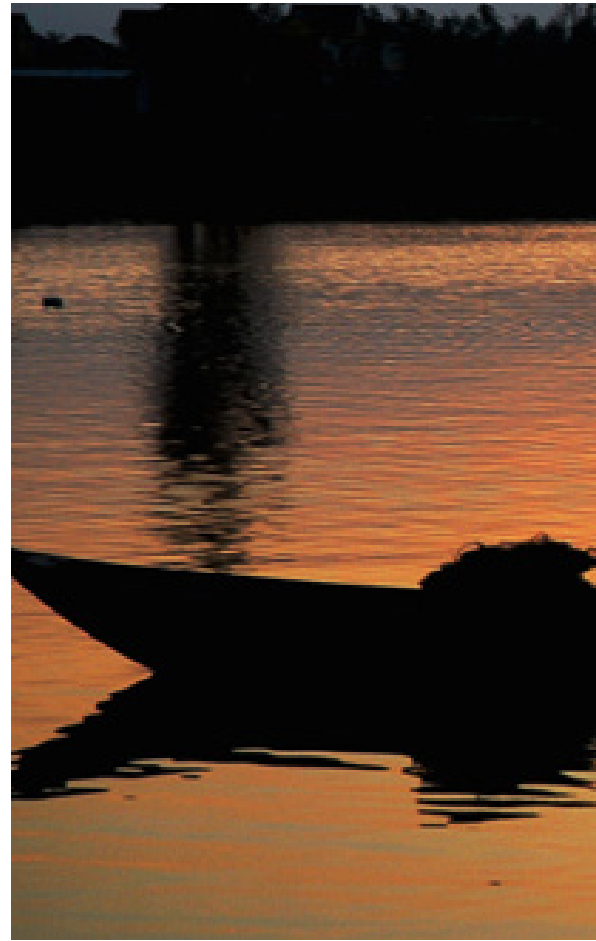


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Chủ động, thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng của người dân. Tập trung tận dụng tốt cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội. Phát huy nội lực, tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài để tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng. Tập trung thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và phát triển khoa học công nghệ. Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác GPMB để triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh, của huyện đảm bảo tiến độ đề ra. Thực hiện tốt các mục tiêu an sinh xã hội và cải thiện đời sống Nhân dân. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước. Tăng cường quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, chú trọng bảo vệ môi trường gắn với phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

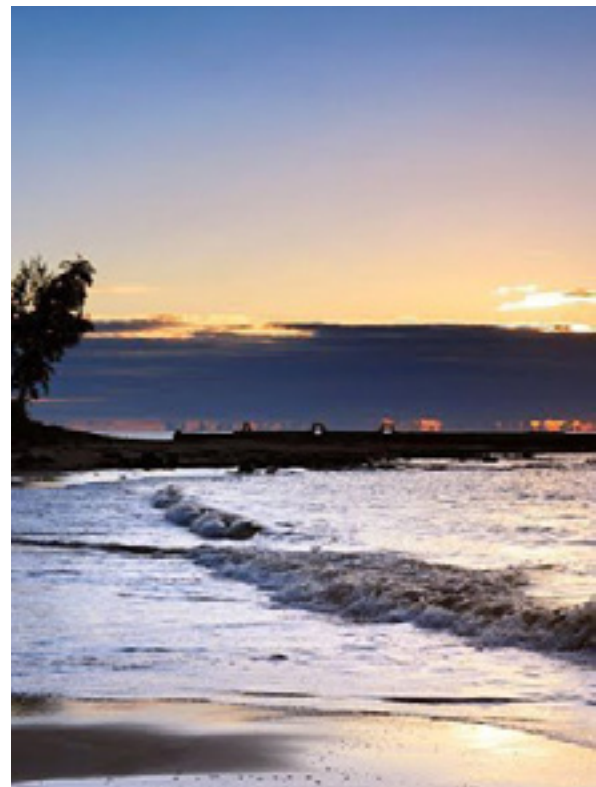
KINH TẾ

- Tăng trưởng giá trị sản xuất 8,43% so với năm 2021;
- Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - ngư nghiệp 25,78%, công nghiệp - TTCN - xây dựng 50,72%, thương mại - dịch vụ 23,50%;
- Thu nhập bình quân đầu người 55 - 57 triệu đồng;
- Tổng thu ngân sách (tạm tính) 471,545 tỷ đồng; trong đó thu trên địa bàn 61,5 tỷ đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương (tạm tính) 467,295 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 33,75 tỷ đồng;
- Tổng sản lượng thủy sản 17.500 tấn;
- Tổng sản lượng lương thực có hạt 42.000 tấn;
- Số xã đạt tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới 02 xã.



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ độ che phủ rừng 53-54%;
- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh 99%.
- Duy trì tỷ lệ thu gom xử lý rác thải 86% và giải pháp chủ yếu năm 2022



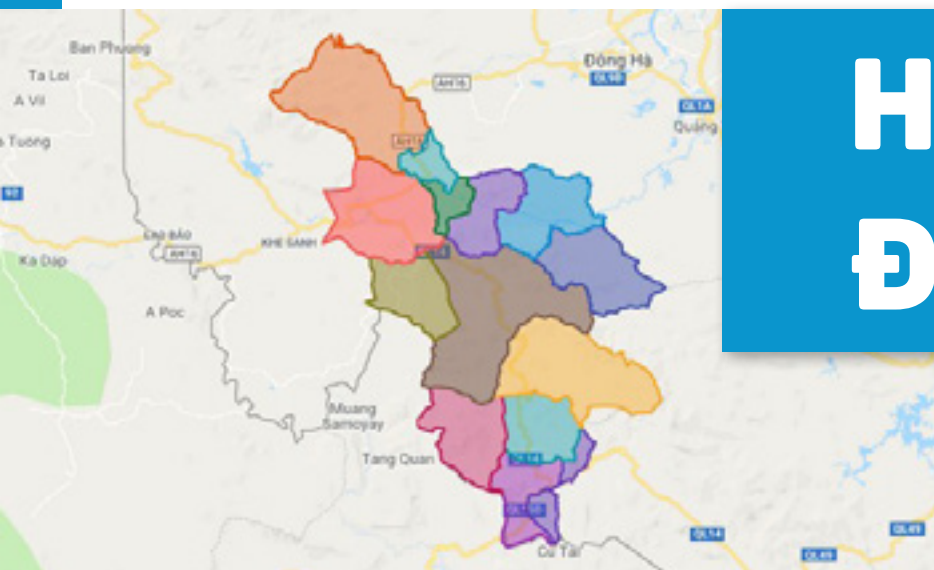


MÔI TRƯỜNG



- Trên 96% làng, thôn, khu phố, cơ quan, trường học được công nhận đơn vị văn hóa;
- 100% xã, thị trấn duy trì vững chắc, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở
- Có 16/17 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc Trung học,
- Duy trì 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên luôn duy trì dưới 1%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD: chiều cao/tuổi dưới 7,5%, cân nặng/tuổi dưới 6,5%.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm 1-1,4%;
- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT 96%;
- Tạo việc làm mới trên 1.500 lao động;

HUYỆN ĐAKRÔNG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Đakrông hay Đa Krông là một huyện biên giới miền núi vùng cao nằm ở phía Tây Nam tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thị xã Quảng Trị và các huyện Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng

Phía Đông Nam giáp các huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

Phía Tây giáp huyện Hướng Hóa

Phía Nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào

Phía Bắc giáp các huyện Cam Lộ và Gio Linh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 1.224,67 km²

Dân số trung bình: 43.363 người.

Mật độ: 35 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Đakrông có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Krông Klang và 12 xã: A Bung, A Ngo, A Vao, Ba Lòng, Ba Nang, Đakrông, Húc Nghì, Hướng Hiệp, Mò Ó, Tà Long, Tà Rụt, Triệu Nguyên.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy sức mạnh của khối đoàn kết các dân tộc, khát vọng vươn lên của người dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại nông nghiệp; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật nâng cao hiệu quả kinh tế; xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế có hiệu quả, thương hiệu các sản phẩm trên thị trường; quan tâm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã...

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng bình quân giai đoạn 2021 - 2025 là 14-15% và giai đoạn 2026 - 2030 là 13-14%;
- Cơ cấu kinh tế đến 2025: Nông nghiệp 37-38%, Công nghiệp - Xây dựng 47-48%, Thương mại - Dịch vụ 15-16%.
- Đến năm 2030: Nông nghiệp 34-35%; Công nghiệp - Xây dựng 45-46%, Thương mại - Dịch vụ 19-20%;
- Phấn đấu số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 03 - 04 xã (trong đó có 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu) và đến năm 2030 là 06 - 07 xã;
- Phấn đấu đến năm 2025, có 60% trường mầm non, 60% trường tiểu học và 45% trường trung học cơ đạt chuẩn quốc gia, 01 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- Đến năm 2030, có 80% trường mầm non, 75% trường tiểu học và 50% trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia, 02 trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia;





- Đến cuối năm 2025 có 120 giường bệnh, đến năm 2030 có 150 giường bệnh. Đến năm 2025 có 9,96 bác sĩ/1 vạn dân...
- Hằng năm Đảng bộ huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- Có trên 85% tổ chức cơ sở Đảng, Đảng ủy, Chi ủy xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có tổ chức Đảng không hoàn thành nhiệm vụ;
- Hằng năm có trên 85% đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trên tổng số đảng viên được đánh giá, xếp loại;
- Kết nạp đảng viên mới trong nhiệm kỳ từ 450-500 (hằng năm kết nạp từ 90-100 đảng viên);
- Tỷ lệ chính quyền, MTTQ, các đoàn thể huyện, cơ sở hằng năm có trên 80% xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Có 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị theo quy định...

CAM LỘ



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Cam Lộ nằm ở khu vực trung tâm tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp thành phố Đông Hà

Phía Tây giáp huyện Đa Krông

Phía Nam giáp huyện Triệu Phong

Phía Bắc giáp huyện Gio Linh.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 344,21 km²

Dân số trung bình: 47.621 người.

Mật độ: 138 người/km²

ĐƠN VI HÀNH CHÍNH

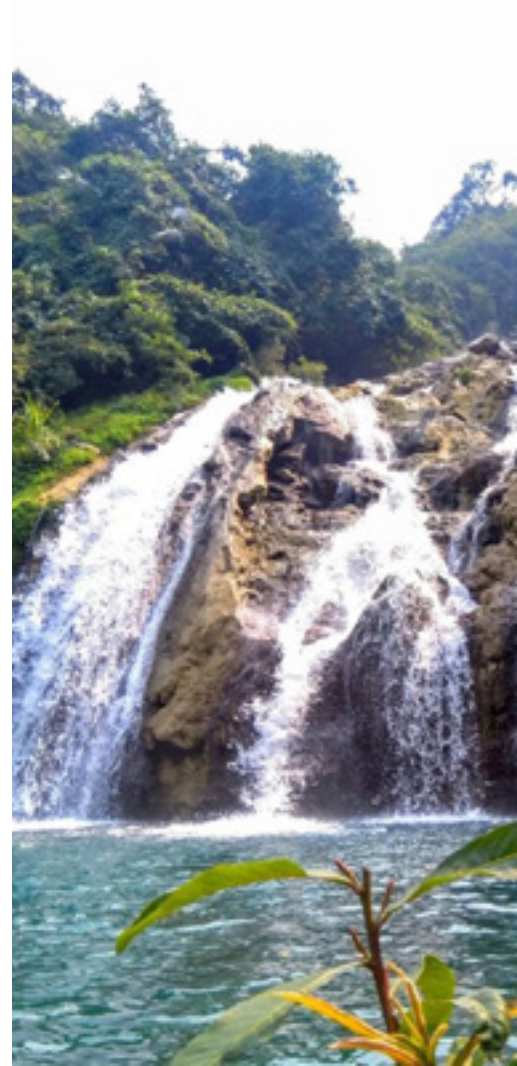
Huyện Cam Lộ có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Cam Lộ và 7 xã: Cam Chính, Cam Hiếu, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Thủy, Cam Tuyền, Thanh An.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển trở thành động lực tăng trưởng của nền kinh tế. Khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Phát triển các lĩnh vực văn hóa xã hội; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu xây dựng thành công Huyện NTM kiểu mẫu trước năm 2025.

- Tốc độ tăng trưởng tính theo giá trị sản xuất bình quân 2021 - 2025: 12%
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành: Nông nghiệp ước thực hiện năm 2025: 4%; Công nghiệp - Xây dựng năm 2025: 14,5%; Dịch vụ-Thương mại năm 2025: 15% ,
- Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp thực hiện đến 2025: 20%; Công nghiệp - xây dựng thực hiện đến năm 2025: 41%; Thương mại - dịch vụ thực hiện đến năm 2025:39%;
- Tổng vốn đầu tư xã hội toàn xã hội 5 năm: 2.500-3.000 tỷ đồng.
- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân giai đoạn 2021-2025: 13%.
- Tổng sản lượng lương thực thực hiện bình quân năm: 14.000-15.000 tấn.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2020: 75-80 triệu đồng.

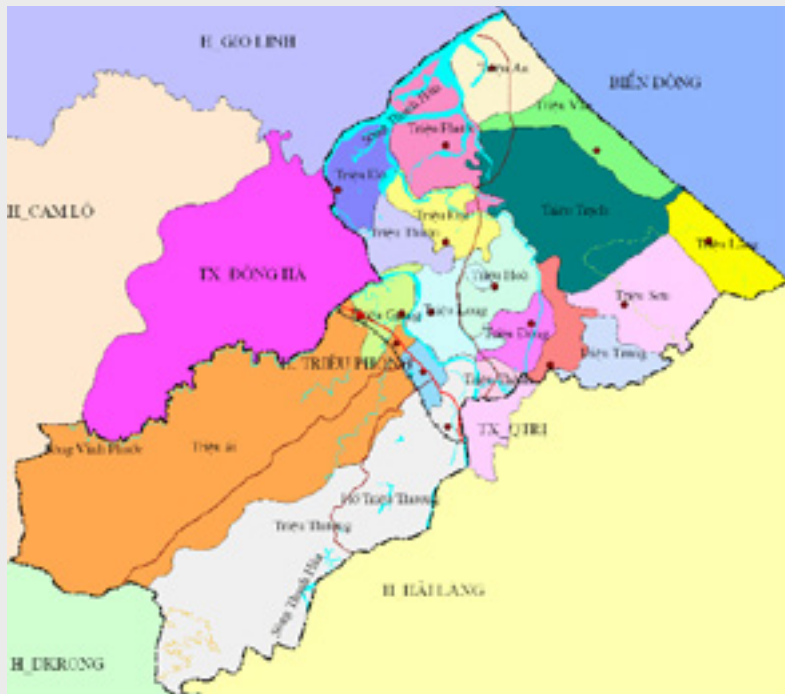




- Tỷ lệ hộ nghèo duy trì dưới 3%.
- Số lao động có việc làm mới bình quân hàng năm: 1.000 - 1.200.
- Tỷ lệ bao phủ BHYT đến năm 2025: 100%.
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến 2025: 75-80%;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm ổn định: 1%.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đến năm 2020: <5,0% .
- Xã, thị trấn điển hình văn hóa đạt 100%, (KH: 100%).
- Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%, (KH: 100%).
- Tỷ lệ dân số dùng nước hợp vệ sinh năm 2020: 100%.
- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020: 51-52% .
- Huyện đạt chuẩn NTM kiểu mẫu vào năm 2025



TRIỆU PHONG



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện nằm về phía Đông Nam của tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp huyện Gio Linh với ranh giới tự nhiên là sông Thạch Hãn

Phía Nam giáp thị xã Quảng Trị

Phía Tây giáp huyện Cam Lộ

Phía Tây Bắc giáp thành phố Đông Hà

Phía Tây Nam giáp huyện Đa Krông

Phía Đông Nam giáp huyện Hải Lăng

Phía Đông giáp với Biển Đông



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 353,36 km²

Dân số trung bình: 88.906 người.

Mật độ: 252 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

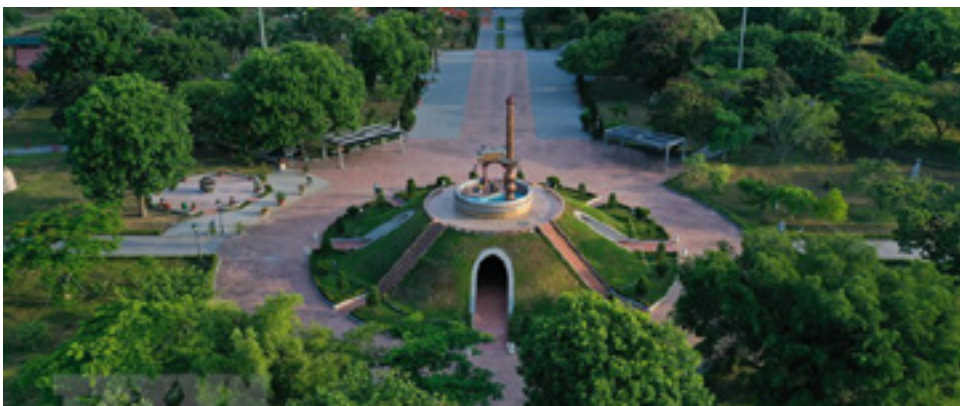
Huyện Triệu Phong có 18 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Ái Tử và 17 xã: Triệu Ái, Triệu An, Triệu Đại, Triệu Độ, Triệu Giang, Triệu Hòa, Triệu Lăng, Triệu Long, Triệu Phước, Triệu Sơn, Triệu Tài, Triệu Thành, Triệu Thuận, Triệu Thượng, Triệu Trạch, Triệu Trung, Triệu Vân.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng, lợi thế; đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội, con người theo hướng bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tăng cường giữ vững quốc phòng - an ninh. Phấn đấu xây dựng huyện Triệu Phong đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.





- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm 13-14%; trong đó: Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 4-4,5%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 16-17% (trong đó: Công nghiệp tăng 18 - 19%; Xây dựng tăng 15 - 16%; Thương mại - Dịch vụ tăng 15-16%).
- Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - ngư nghiệp chiếm 16-17%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 41-42% (Trong đó: Công nghiệp chiếm 18 - 19%; Xây dựng chiếm 22-23%); Thương mại - Dịch vụ chiếm 42-43%.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 80 - 85 triệu đồng.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 trên 11.680 tỷ đồng; giai đoạn 2025 - 2030, tăng khoảng 15%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh giao.
- 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, huyện Triệu Phong đạt chuẩn NTM trước năm 2025; có 4 xã đạt chuẩn nông thôn nâng cao, 02 xã đạt NTM kiểu mẫu.
- Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục trẻ em mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở; 100% các trường đạt chuẩn quốc gia.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025: 70 -75%, trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ 33%. Hàng năm, tạo việc làm mới cho 1.800 - 2.000 lao động.
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 1-1,5%.
- Giảm tỷ suất sinh còn 10%, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên 0,7%, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 xuống dưới 15%.
- 100% người dân tham gia BHYT
- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch đến năm 2025 trên 65%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh 100%.
- Tỷ lệ độ che phủ rừng đạt trên 40%.

HẢI LĂNG

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

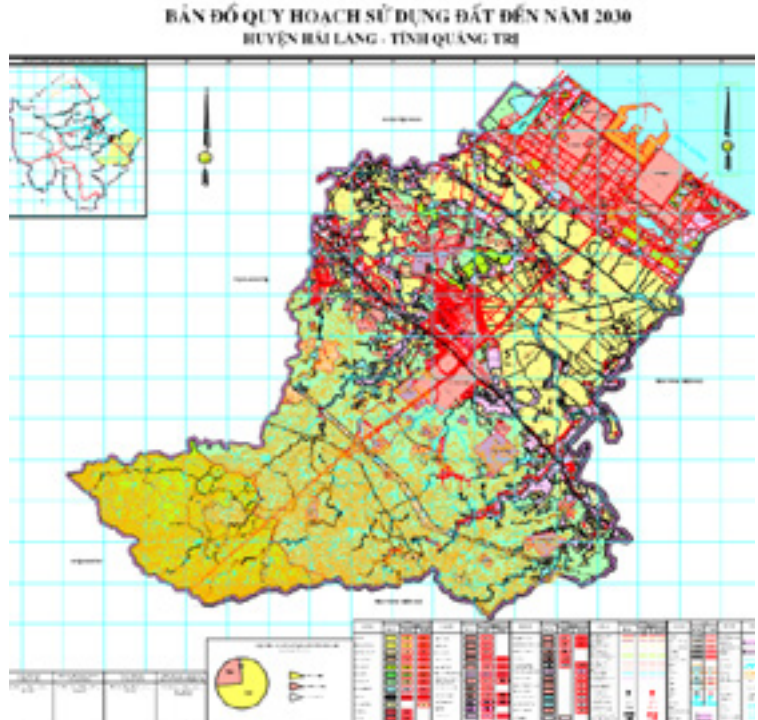
Hải Lăng là một huyện nằm ở phía nam tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý:

Phía Đông giáp Biển Đông

Phía Tây giáp huyện Đakrông

Phía Nam giáp huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế

Phía Bắc giáp thị xã Quảng Trị và huyện Triệu Phong.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

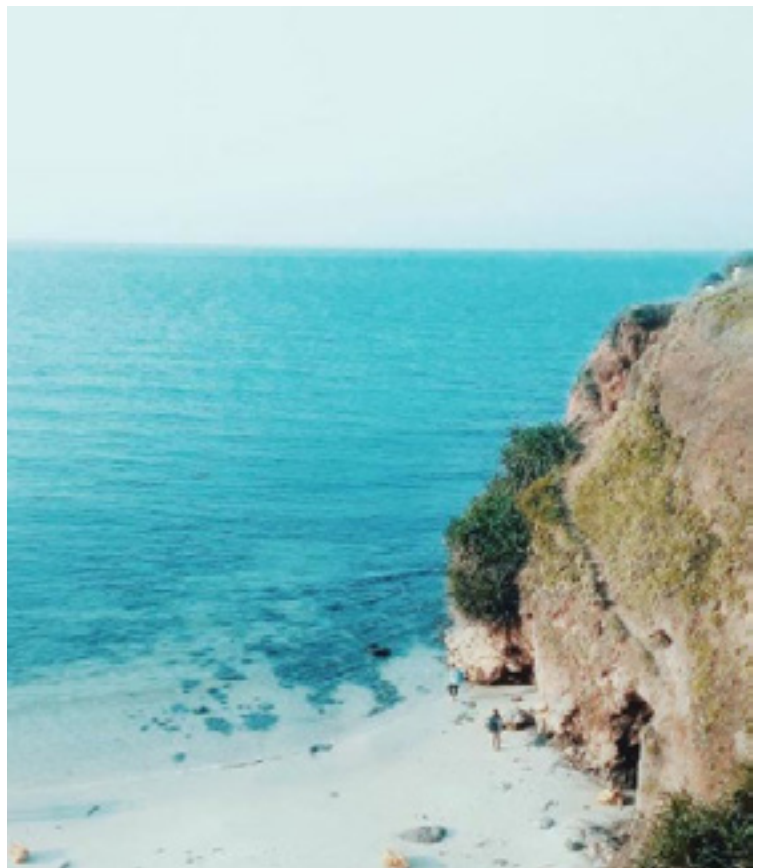
Diện tích: 424,8 km²

Dân số trung bình: 79.605 người.

Mật độ: 187 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Hải Lăng có 16 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Diên Sanh và 15 xã: Hải An, Hải Ba, Hải Chánh, Hải Dương, Hải Định, Hải Hưng, Hải Khê, Hải Lâm, Hải Phong, Hải Phú, Hải Quế, Hải Quy, Hải Sơn, Hải Thượng, Hải Trường.





MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN 2030

Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước các cấp. Huy động mọi nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tăng cường đầu tư hạ tầng cho phát triển CN-TTCN, TM-DV và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; mở rộng, phát triển đô thị văn minh, xây dựng nông thôn mới; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; chăm lo giải quyết tốt các vấn đề văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; tăng cường QP-AN, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Quyết tâm xây dựng huyện Hải Lăng đạt chuẩn huyện nông thôn mới trước năm 2025 và cơ bản trở thành huyện trọng điểm về phát triển công nghiệp của tỉnh vào năm 2030.

KINH TẾ

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 đạt 13-14%, trong đó: Nông - Lâm - Ngư: 3-4%; Công nghiệp- Xây dựng: 17-18%, các ngành dịch vụ: 14-15%;
- Cơ cấu giá trị sản xuất: Nông - Lâm - Ngư: 17,24%; Công nghiệp- Xây dựng: 45,17%; các ngành dịch vụ: 37,58%;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt trên 100 triệu đồng, gấp 1,7 lần so với năm 2020;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hàng năm: trên 14-15%;
- Sản lượng lương thực có hạt năm 2025 là 8,0 vạn tấn;
- Huy động vốn đầu tư xã hội trong 5 năm khoảng 60.000 tỷ đồng (bình quân mỗi năm 12.000 tỷ đồng);
- Phấn đấu trước năm 2025 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 30% xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 25% thôn đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.



XÃ HỘI

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: <1%;
- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân hàng năm: 0,5-1%;
- Năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 65-70%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt trên 45%. Hằng năm, tạo việc làm mới cho 1.000-1.200 lao động, xuất khẩu lao động 150 người;
- Năm 2025, có 80% trạm y tế xã, thị trấn có bác sĩ làm việc thường xuyên; quy mô giường bệnh điều trị nội trú đạt 150 giường, tỷ lệ người dân tham gia BHYT 95%.

MÔI TRƯỜNG

- Duy trì 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 73%, trong đó khu vực đô thị đạt 92%, khu vực nông thôn đạt 72%;
- 100% khu vực, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý;
- Tỷ lệ che phủ rừng: 42-43%.



CỒN CỎ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Cồn Cỏ là một huyện đảo ở Biển Đông, thuộc tỉnh Quảng Trị, có vị trí ở 17°10' vĩ Bắc và 107°21' kinh Đông.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 2,3 km²

Dân số trung bình: 346 người.

Mật độ: 150 người/km²



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành; phát huy tiềm năng lợi thế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng du lịch - dịch vụ, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế, xã hội mà trọng tâm là du lịch; quản lý chặt chẽ tài nguyên môi trường, tiếp tục nâng cao chất lượng đời sống cán bộ, chiến sỹ và nhân dân; giữ gìn ổn định ANCT - TTATXH, đảm bảo QPAN

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện không tổ chức bộ máy cấp xã, hiện tại có KDC Thanh niên xung phong với 13 hộ dân, trong đó có trưởng KDC. Bộ máy tổ chức cấp huyện gồm: Huyện Ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác.



MÔI TRƯỜNG

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 63%;
- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, xử lý trên 90%;
- Tỷ lệ chất thải nhựa thu gom đạt 95%;
- 100% cơ quan, đơn vị, người dân sử dụng ít nhất phải sử dụng 50% vật liệu thân thiện với môi trường, thay thế túi ni lông.



KINH TẾ

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 50 tỷ đồng;
- Thu hút khách du lịch đạt trên 8.000 khách;
- Thu ngân sách trên địa bàn 550 triệu đồng;
- Sản lượng thủy hải sản đạt 11 tấn;
- Thu nhập bình quân người dân đạt trên 47 triệu đồng;
- Sản lượng thịt quy đổi 20.000 kg/năm; Rau, củ, quả 25.000 kg năm.



XÃ HỘI

- Tỷ lệ người dân có việc làm ổn định trên 95%;
- 100% trẻ em đến tuổi được đến trường học;
- 100% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa;
- 100% hộ dân, các cơ quan, đơn vị có nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh,



QUỐC PHÒNG, AN NINH

- Duy trì địa phương không có tội phạm; hạn chế thấp nhất các tai nạn, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông nghiêm trọng, cháy, nổ xảy ra.
- 100% cán bộ, chiến sĩ an tâm tư tưởng, xác định tốt nhiệm vụ. Xây dựng củng cố các công trình quốc phòng; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, nâng cao chất lượng SSCĐ, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của Tỉnh Quảng Trị Nhiệm kỳ 2020 - 2025

TỈNH QUẢNG TRỊ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XVII (2020 - 2025)
<https://tin Huy Quang Tri.vn>

THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đông Hà
lần thứ XIII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://quangtrivn.vn>

THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ thị xã Quảng Trị
lần thứ VII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://xml21.quangtri.gov.vn>

HUYỆN VĨNH LINH

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Vĩnh Linh
lần thứ III (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://vinhlinh.quangtri.gov.vn>

HUYỆN HƯỚNG HOÁ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hướng Hoá
lần thứ XVII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://huonghoa.tinhuyquangtri.vn>

HUYỆN GIO LINH

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Gio Linh
lần thứ VII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://giolinh.quangtri.gov.vn>

HUYỆN ĐAKRÔNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đakrông
lần thứ VI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<https://tin Huy Quang Tri.vn>

HUYỆN CAM LỘ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cam Lộ
lần thứ VI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://camlo.quangtri.gov.vn>

HUYỆN TRIỆU PHONG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Triệu Phong
lần thứ VI (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://xml18.quangtri.gov.vn>

HUYỆN HẢI LĂNG

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Hải Lăng
lần thứ II (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://xml18.quangtri.gov.vn>

HUYỆN CỒN CỎ

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Cồn Cỏ
lần thứ IV (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)
<http://xml2.quangtri.gov.vn>



Diện tích, dân số và mật độ dân số của tỉnh Quảng Trị

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DIỆN TÍCH (Km ²)	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (Người/Km ²)
TOÀN TỈNH	4.737,44	633.440	1134
Thành Phố Đông Hà	73,09	96.216	1.316
Thị Xã Quảng Trị	73,82	23.408	321
Huyện Vĩnh Linh	619,16	87.562	141
Huyện Hướng Hoá	1.152	91.114	79
Huyện Gio Linh	470,68	75.335	160
Huyện Đakrông	1.1224,67	43.363	35
Huyện Cam Lộ	344,21	47.621	138
Huyện Triệu Phong	353,36	88.906	252
Huyện Hải Lăng	424,8	79.605	187
Huyện Cồn Cỏ	2,3	346	150

